

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **59/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-9-2017.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thanh Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phơ**.

2. Bà **Nguyễn Thị Thắm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đoàn Phước Đạt**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đồ Ngọc Tuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2017 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Ngọc S**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh ST.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường T, khóm M, phường N, thành phố ST, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Ngọc S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc S và ông Trần Thanh S kết hôn vào năm 2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố ST, tỉnh ST cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/3/2007. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

- Về con chung: Bà Ngọc S và ông Thanh S có một con chung là cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 11/02/2007.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Trần Ngọc S yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc S yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh S.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Ngọc S đồng ý giao cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 11/02/2007 cho ông Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ngọc S không cấp dưỡng cho cháu Ph.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Thanh S: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Sang biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Thanh S không có văn bản trả lời cho Tòa án biết. Đồng thời bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên hòa giải và phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Trần Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào [điểm b khoản 2 Điều 227](#), [khoản 3 Điều 228](#) của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc S và ông Trần Thanh S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật

nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại biên xác minh ngày 08/8/2017 bà Trần Ngọc V là mẹ ruột của ông Thanh S trình bày ông Thanh S có biết được việc bà Ngọc S yêu cầu ly hôn với ông Thanh S và ông Thanh S cũng đồng ý. Ngoài ra bà V còn cho rằng vợ chồng ông Thanh S và bà Ngọc S trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà Ngọc S đã bỏ nhà đi từ năm 2008 cho đến nay, thấy rằng lời khai của bà V là mẹ ruột của ông Thanh S hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Ngọc S. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ngọc S và ông Thanh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngọc S cho bà Ngọc S được ly hôn với ông Thanh S.

- Về con chung: Bà Trần Ngọc S và ông Trần Thanh S có một người con chung là cháu Trần Thanh Ph, sinh ngày 11/02/2007. Hiện nay cháu Ph đang sống chung với ông Thanh S. Sau khi ly hôn, bà Ngọc S đồng ý giao cháu Trần Thanh Ph cho ông Thanh S được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/8/2017 thì cháu Ph cũng thừa nhận hiện nay đang sống chung với cha là ông Thanh S, trường hợp cha mẹ cháu ly hôn thì cháu Ph có nguyện vọng ở với cha là ông Thanh S. Hội đồng xét xử xét thấy, từ trước đến nay cháu Ph sống chung với ông Thanh S, cuộc sống của cháu Ph đang ổn định và cháu cũng có nguyện vọng sống chung với cha. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngọc S, giao cháu Ph cho ông Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Ngọc S không cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh Ph. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 08/8/2017 thì cháu Ph không yêu cầu mẹ là bà Ngọc S cấp dưỡng cho cháu Ph, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Bà Trần Ngọc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trần Thanh Ph mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại phiên Tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như đã nhận định ở phần trên, lời đề nghị kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà Trần Ngọc S phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc S được ly hôn với ông Trần Thanh S.
2. Về con chung: Giao cho ông Trần Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Ph cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Ngọc S không cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh Ph.

Bà Trần Ngọc S có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Trần Thanh Ph mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Ngọc S trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Trần Ngọc S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Ngọc S phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sang đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007204 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Sang đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường N, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thanh Loan